

Bản án số: 28/2025/DS- ST

Ngày: 30/12/2025

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tâm

2. Ông Nguyễn Văn Truy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa không tham gia phiên tòa

Ngày 30/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2025/TLST- DS, ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST – DS ngày 12/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1974, số CCCD:038174020201

1.2. Anh Nguyễn Hải H, sinh năm: 1971, số CCCD:038071013925

Cùng địa chỉ: Số nhà B, khu phố C, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hải H: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Số nhà B, khu phố C, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm: 1976, số CCCD: 038076006941

Địa chỉ: Khu phố G, xã V, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị N, anh H và anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Hải H và chị Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 01/10/2023, ông T có vay vợ chồng anh chị số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng không có lãi suất và khi nào cần sẽ báo trước cho anh T để trả nợ. Đến tháng 10/2024, anh T mới trả được cho vợ chồng anh chị số tiền

10.000.000 đồng. Số tiền anh T còn nợ là 90.000.000 đồng. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần yêu cầu anh T trả nợ, nhưng anh T cứ khất lần không trả.

Do đó, vợ chồng anh chị yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Ngọc T phải trả cho vợ chồng anh chị tổng số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Ngọc T trình bày:

Năm 2023, anh có vay tiền của chị N nhiều lần, cuối năm thì hai bên thống nhất chốt lại tổng số tiền cả tiền gốc và tiền lãi là 100.000.000 đồng. Năm 2024, anh trả cho chị N số tiền 10.000.000 đồng. Đến nay, anh xác nhận còn nợ chị N số tiền 90.000.000 đồng. Sau đó thì chị N có yêu cầu anh trả nợ nhưng anh chưa có điều kiện để trả. Hiện nay, anh T làm lao động tự do, thu nhập không ổn định do đó anh không có khả năng trả số tiền đó một lần, nên anh đề nghị thanh toán số tiền đó thành nhiều lần, mỗi tháng trả cho chị N 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng. Tháng nào có nhiều thì anh sẽ trả nhiều.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh H, chị N và anh T đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Trần Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố G, xã V, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

[2]. Việc anh Trần Ngọc T vay tiền của anh Nguyễn Hải H và chị Nguyễn Thị N được thể hiện trong giấy vay tiền mặt chị N giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là anh Trần Ngọc T. Việc này, bản thân anh T cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Trong giấy vay tiền mặt hai bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ cũng như lãi suất, do đó, khoản vay này được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn. Mặc dù chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hải H đã nhiều lần yêu cầu anh Thanh thanh T1 khoản nợ, nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa, các bên đều thống nhất rằng đến thời điểm hiện tại, anh T vẫn còn nợ anh H và chị N số tiền 90.000.000 đồng và khoản nợ này đã đến hạn thanh toán, tuy nhiên anh T không trả được do gặp khó khăn về kinh tế. Việc anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là hành vi vi phạm cam kết trả nợ. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hải H và chị Nguyễn Thị N buộc anh Trần Ngọc T phải trả cho anh Nguyễn Hải H và chị Nguyễn Thị N số tiền đã vay là 90.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh H, chị N được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh T phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc anh Trần Ngọc T phải trả cho anh Nguyễn Hải H và chị Nguyễn Thị N số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ khi anh Nguyễn Hải H và chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Nguyễn Hải H và chị Nguyễn Thị N số tiền là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà chị N và anh H đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số: 0002603 ngày 04/11/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh H, chị N và anh T. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tường Vân

Lê Văn Hoàn

Bùi Văn Hải

